TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 192/2022/HSST
Ngày: 25/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Thế Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Tuấn và bà Lê Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Thiện, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 204/2022/HSST ngày 16 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2022/QĐXX ngày 16/9/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: NĐC, sinh năm 1997; Giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và ở: Tổ dân phố Đôn Lương, phường Yên Bắc, Thị xã D, tỉnh HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: N, sinh năm 1975; con bà:H, sinh năm 1978; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: L, sinh năm 1999. Bị cáo có 01 con sinh năm 2019. Danh chỉ bản số 000235 ngày 31/5/2022 tại Công an quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố ngày 31/5/2022, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: VVT, sinh năm 1988; Giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và ở: Tổ dân phố Đôn Lương, phường Yên Bắc, Thị xã D, tỉnh HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: T, sinh năm 1966; con bà: N, sinh năm 1964; Vợ: H, sinh năm 1989. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018.

Danh chỉ bản số 000234 ngày 31/5/2022 tại Công an quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố ngày 31/5/2022, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh VMT, sinh năm: 1967; Hộ khẩu thường trú: Số 20, ngõ 378 đường TK, phường TK, quận TH, TP. Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh NQP, sinh năm 1980. Địa chỉ: phường Yên Bắc, Thị xã D, tỉnh HN. Có mặt.

2. Anh NVT, sinh năm 1998. Địa chỉ: phường Yên Bắc, Thị xã D, tỉnh HN. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 50 phút, ngày 02/4/2022, anh VMT (Sinh năm: 1967; địa chỉ thường trú: Số 20, ngõ 378, TK, phường Thuỵ Khuê, quận TH, TP. Hà Nội) đến công an phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội trình báo về việc: Ngày 02/4/2022, hai đối tượng là VVT và NĐC cùng có hộ khẩu tại TDP Đôn Lương, phường Yên Bắc, thị xã D, tỉnh HN trộm cắp nhiều tài sản là đồ gỗ tại xưởng chế biến gỗ của anh Th tại TDP Đông Ba 3, phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Trị giá số tài sản bị mất khoảng 150.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định:

Anh VMT là chủ xưởng sản xuất các sản phẩm về gỗ tại phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Khoảng tháng 02/2022, anh Th thuê hai thợ mộc làm việc tại xưởng là VVT và NĐC. Anh Th thoả thuận với T và C tiền một ngày công mỗi người là 300.000 đồng. Công việc của T và C là gia công các sản phẩm gỗ sau đó đi lắp đặt cho khách hàng. Để tiện cho công việc sản xuất, anh Th có giao chìa khoá xưởng cho T và C để sinh hoạt tại xưởng đồng thời trông coi tài sản. Do anh Th chậm trả tiền công nên ngày 31/3/2022, T nhắn tin qua ứng dụng zalo cho anh Th thông báo sẽ nghỉ việc đồng thời gửi bảng thanh T tiền công cho anh Th với số tiền 37.295.000 đồng. Đến ngày 01/4/2022, anh Th gọi cho T nói "hôm nay mùng 01 âm nên không giải quyết" và hẹn T đến ngày mùng 02 sẽ thanh T.

Cho rằng anh Th không trả tiền lương như đã cam kết nên khoảng 17 giờ, ngày 01/4/2022, T và C ngồi bàn bạc với nhau sẽ lấy trộm các sản phẩm gỗ của anh Th để ở xưởng mang về quê tại Đôn Lương, phường Yên Bắc, thị xã D, tỉnh HN. Khoảng 20 giờ cùng ngày, C bảo T gọi người lái xe ô tô đến xưởng để chở các sản phẩm gỗ. Sau đó, T sử dụng số điện thoại 0966212898 gọi đến số 0388437077 của anh NQP (Sinh năm: 1980; đăng ký thường trú: Đôn Lương, phường Yên Bắc, thị xã D, tỉnh HN) là người quen cùng quê thuê vận chuyển

hàng từ Hà Nội về thị xã D, HN, đồng thời C gọi NVT (Sinh năm 1998; đăng ký thường trú: Đôn Lương, phường Yên Bắc, thị xã D, tỉnh HN) nhờ bê hộ đồ và dặn đi cùng với anh Phúc lên Hà Nội. Sau đó thông qua ứng dụng zalo, T gửi định vị vị trí và dặn anh Phúc đi theo vị trí định vị đến điểm bốc hàng. Sau đó anh Phúc điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 90C-081.48 cùng Tiệp lên Hà Nội.

Đến khoảng 23h30, T trở C ra đầu đường Văn Tiến Dũng thuộc địa bàn phường Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội để đón Phúc và Tiệp. Khi gặp Phúc và Tiệp, C lên ngồi cùng xe anh Phúc và Tiệp đi về xưởng còn T di chuyển một mình đến đối diện số 427, đường An Dương Vương, phường Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội để cảnh giới tránh sự phát hiện của anh Th. Khi đến xưởng sản xuất gỗ của anh Th, C xuống xe mở cửa xưởng, bật đèn và yêu cầu anh Phúc lùi xe vào trong xưởng để bốc hàng, C chỉ các sản phẩm gỗ có trong xưởng để anh Phúc và Tiệp cùng bốc lên xe. Sau khi bốc được số gỗ lên xe, C tắt đèn, khoá cửa, anh Phúc điều khiển xe tải BKS 90C-081.48 cùng C và Tiệp đi về thị xã D, tỉnh HN còn T quay trở lại xưởng để ngủ. Khi về đến quê ở phường Đôn Bắc, thị xã D, anh Phúc vẫn để các sản phẩm gỗ trên xe ô tô. Đến khoảng 09 giờ ngày 02/4/2022, khi anh Th đến xưởng thì phát hiện mất các sản phẩm gỗ nên đã gọi điện thoại cho T thì T thừa nhận đã cùng C lấy trộm các sản phẩm gỗ. Anh Th sau đó trình báo cơ quan Công an và yêu cầu mang trả các sản phẩm gỗ. T sau đó gọi cho C và bảo anh Phúc chở trả số gỗ được cho anh Th. Đến chiều cùng anh Phúc đã chở số gỗ đêm vận chuyển giúp C lên kho tại thượng Cát để trả anh Th thì bị cơ quan Công an mời về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra anh NVT và NQP khai, Phúc được C, T gọi điện nhờ lái xe ô tô đến TDP Đông Ba, phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội để chở gỗ về thị xã D, HN sơn hoàn thiện do máy sơn ở xưởng bị hỏng, đồng thời C gọi thêm Tiệp đi cùng Phúc để bốc hàng lên xe. Bản thân anh Phúc và Tiệp không biết nguồn gốc số gỗ trên là do trộm cắp mà có do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm không xem xét xử lý.

Kết quả tra cứu xe ô tô BKS 90C-081.48 xác định: xe ô tô nhãn hiệu Thaco, số loại K165, màu sơn xanh, BKS 90C-081.48, số khung RNHA500BKHC073100, số máy JT736958 được đăng kí lần đầu cho anh NQP (Nơi thường trú: TDP Đôn Lương, phường Yên Bắc, thị xã D, tỉnh HN) xe không nằm trong cơ sở dữ liệu vật chứng.

Ngày 14/4/2022, cơ quan CSĐT- Công an quận Bắc Từ Liêm ra Quyết định xử lý vật chứng số 24/ĐTTH trao trả cho chủ sở hữu anh NQP chiếc xe ô tô trên.

Ngày 15/4/2022, cơ quan CSĐT- Công an quận Bắc Từ Liêm ra Quyết định xử lý vật chứng số 24/ĐTTH trao trả cho chủ sở hữu anh VMT: 77 cổ bậc

thang bằng gỗ kích thước 75x18x2 cm, 65 mặt cầu thang bằng gỗ kích thước 75x28x3 cm giá trị 31.000.000 đồng, 08 bậc cầu thang bằng gỗ chéo kích thước 80x40x3 cm, 04 chiếu nghỉ bằng gỗ, kích thước 89x77x3 cm, 45 thanh nẹp khuôn bằng gỗ, kích thước 257x8x2 cm, 10 thanh nẹp khuôn bằng gỗ kích thước 120x8x2 cm, 02 cửa gỗ kích thước 207x72x4 cm, 04 cửa gỗ kích thước 238x66x4 cm, 08 cửa gỗ kích thước 238x84x4 cm, 01 cửa gỗ kích thước 238x105x4 cm, 496 gỗ gõ nam phi chưa thành phẩm. Anh Th đã nhận lại toàn bộ số tài sản trên, không có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị can.

Đối với vật chứng đã thu giữ 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6Plus, màu vàng, lắp số sim 0829240697, 01 điện thoại di động VIVO, có màu xanh lam, đã qua sử dụng lắp số sim 0388437077, 01 điện thoại di động Samsung, màu đen, đã qua sử dụng, lắp số sim 0966212898, 01 máy tính bảng có kiểu dáng Galaxy TAPA, màu trắng, đã qua sử dụng lắp số sim 0397185526 trong vụ án cần tiếp tục tạm giữ, chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 201/CT-VKS ngày 13/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định truy tố bị cáo NĐC, VVT về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo C, T khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại VMT thừa nhận ngày 31/3/2022 T có gọi điện yêu cầu trả tiền công khoảng hơn 50.000.000 đồng. Do là ngày đầu tháng, nên anh chưa trả ngay. Vì vậy, T C đã trộm cắp tài sản là sản phẩm của gỗ chở mang về quê. Nay anh đã nhận lại tài sản, nên mong muốn Tòa án xem xét cho các bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phúc và anh Tiệp có nguyện vọng xin lại điện thoại và máy tính bảng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm luận tội:

Sau khi tóm tắt lại nội dung vụ án, phân tích hành vi của các bị cáo, đại diện VKS khẳng định bản cáo trạng số: 201/CT-VKS ngày 13/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; giữ nguyên quyết định truy tố NĐC và VVT về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm h, s, Khoản 1,2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo NĐC mức án từ 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

- Điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm h, s, Khoản 1,2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo VVT mức án từ 16 đến 20 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 40 tháng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: không.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công 02 chiếc điện thoại của VVT và NĐC.

Đề nghị tuyên trả cho anh NQP 01 điện thoại hiệu ViVo, trả lại cho anh NVT 01 máy tính bảng hiệu Galaxy.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các Bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại, nên hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo NĐC, VVT tại phiên toà phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại VMT, phù hợp với lời khai của anh Phúc, anh Tiệp, phù hợp với Kết luận định giá trong tố tụng hình sự, phù hợp với biên bản thực nghiệm điều tra cùng nhiều chứng cứ tài liệu khác, được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định và kết luận như sau:

Khoảng 23h30 ngày 01/4/2022, tại xưởng sản xuất gỗ thuộc địa bàn TDP Đông Ba 3, phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, lợi dụng sự vắng mặt của chủ tài sản, VVT và NĐC có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh VMT là các sản phẩm gỗ với tổng giá trị tài sản là 140.300.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo NĐC, VVT là dấu hiệu hoàn thành của tội *"Trộm cắp tài sản"* .

Xét số tài sản bị cáo VVT và NĐC chiếm đoạt của bị hại là 140.300.000 đồng, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tăng nặng định khung quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 201/CT-VKSBTL ngày 13/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm truy tố bị cáo VVT và NĐC về tội danh và khung hình phạt trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Đánh giá về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo và động cơ mục đích phạm tội.

Hành vi của các bị cáo NĐC, VVT là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản là khách thể được Bộ luật hình sự quy định và bảo vệ. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Nguyên nhân, động cơ phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào lời khai của bị hại VMT, và của các bị cáo tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do bị hại nợ tiền công lao động của C và T. Do các bị cáo đòi tiền công nhưng bị hại chưa trả, từ đó dẫn đến việc các bị cáo bàn nhau lấy các sản phẩm về gỗ của bị hại để gây sức ép, buộc bị hại trả tiền công lao động. Đây cũng chính là động cơ phạm tội của các bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo NĐC, VVT đồng phạm với nhau nhưng là đồng phạm giản đơn. Vai trò của các bị cáo là ngang nhau trong việc thực hiện tội phạm.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không.
- Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo VVT, NĐC thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngay sau khi chiếm đoạt số gỗ của bị hại, khi được thông báo, các bị cáo đã yêu cầu anh Phúc chở số gỗ này lên trả cho bị hại. Bị hại VMT đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị chiếm đoạt, nên các bị cáo C, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ "phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại" quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại là anh VMT có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị hại VMT có lỗi dẫn đến hành vi của các bị cáo như đã phân tích ở phần động cơ phạm tội của các bị cáo; các bị cáo đều phạm tội lần đầu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bị cáo VVT có ông nội là liệt sỹ Vũ Văn Ngộ có huân chương chiến sỹ vẻ vang, huân chương chiến công giải phóng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[5]. Về hình phạt:

Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an xã hội; bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất,

mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo VVT và NĐC phạm tội thuộc trường hợp "Đồng phạm". Xuất phát từ việc anh VMT chậm trả tiền công lao động, các bị cáo C và T cùng bàn bạc với nhau về việc chiếm đoạt tài sản là sản phẩm gỗ của anh Th. Cả hai bị cáo cũng thực hiện tội phạm với mức độ ngang nhau, nên khi áp dụng hình phạt cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương đương nhau. Tuy nhiên, bị cáo VVT được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên mức hình phạt của VVT là thấp hơn so với NĐC.

Đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà bị cáo VVT và NĐC đã thực hiện, trên cơ sở xem xét động cơ, mục đích nguyên nhân và điều kiện phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cả hai bị cáo VVT và NĐC đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm h, s khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu bị đưa ra xét xử, đối chiếu Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 23/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2022, thì bị cáo VVT và NĐC đều đủ điều kiện hưởng án treo với mức như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là thoả đáng. Việc cho bị cáo VVT và NĐC được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, nhưng vẫn đảm bảo tính răn đe riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh VMT đã nhận lại toàn bộ tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6Plus, màu vàng, lắp số sim 0829240697; 01 điện thoại di động Samsung, màu đen, đã qua sử dụng, lắp số sim 0966212898 các bị cáo T, C sử dụng để liên lạc thuê xe chở tài sản trộm cắp được nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động VIVO, có màu xanh lam, đã qua sử dụng lắp số sim 0388437077, 01 máy tính bảng có kiểu dáng Galaxy TAPA, màu

trắng, đã qua sử dụng lắp số sim 0397185526 là tài sản hợp pháp của anh NQP và anh NVT, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho anh Phúc và anh Tiệp.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo NĐC và VVT phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

1. Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm h,s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo NĐC: **24** (Hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm h,s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo VVT: **20** (Hai mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 tháng, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

Giao các bị cáo NĐC, VVT cho Uỷ ban nhân dân phường Yên Bắc, Thị xã D, tỉnh HN quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6Plus, màu vàng, lắp số sim 0829240697; 01 điện thoại di động Samsung, màu đen, đã qua sử dụng, lắp số sim 0966212898

- Trả lại anh NQP 01 điện thoại di động VIVO, có màu xanh lam, đã qua sử dụng lắp số sim 0388437077

- Trả lại anh NVT 01 máy tính bảng có kiểu dáng Galaxy TAPA, màu trắng, đã qua sử dụng lắp số sim 0397185526

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 235/22 ngày 19 tháng 9 năm 2022 giữa Cơ quan CSĐT công an quận Bắc Từ Liêm với Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, nộp án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo NĐC, VVT mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đặng Thế Vinh

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- Lưu HS-VP.